

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31- 7 - 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hội
2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu A, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn HN, xã PP, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi;

- Bị đơn: Anh Đinh Thới Tr, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn VT, xã PP, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thu A trình bày:

Chị Phạm Thị Thu A và anh Đinh Thới Tr có tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Nhơn. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Phổ Phong. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9 năm 2004 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr ghen tuông vô cớ và đánh chị. Đến năm 2017 chị và anh Tr ly thân. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Đinh Thị Tr, sinh ngày 01/9/2004 và cháu Đinh Quang S, sinh ngày 27/7/2009. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội khoản vay 50.000.000 đồng. Quá trình Tòa án giải quyết chị đã trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội vào ngày 02/7/2020. Chị không yêu cầu anh Tr phải thanh toán lại cho chị một nửa khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Thới Tr trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị Thu A về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về chỗ ở và nơi làm ăn kinh tế của vợ chồng, từ đó xảy ra cãi vã, xô xát. Anh và chị A đã không ở với nhau 4 năm. Nay chị A yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị A trình bày. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Đinh Thị TR, còn cháu Đinh Quang S anh đồng ý giao cho chị A nuôi. Không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh thống nhất với chị A về khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội khoản vay 50.000.000 đồng. Khi ly hôn vợ chồng cùng chịu trách nhiệm trả khoản vay này.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thị Thu A được ly hôn anh Đinh Thới Tr, giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung:

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét. Nợ chung: ngân hàng Chính sách xã hội và chị A đều không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu A có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Đinh Thới Tr ở Thôn VT, xã PP, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Đinh Thới Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu A và anh Đinh Thới Tr tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã PN, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh Tr là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong việc lựa chọn nơi làm việc và sinh sống. Mâu thuẫn tuy không lớn nhưng kéo dài mà không có cách khắc phục. Chị A và anh Tr đã ly thân cách đây 3 năm và đến nay cả hai đều đưa ra quyết định ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh Tr đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho chị A được ly hôn với anh Tr.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Đinh Thị Tr, sinh ngày 01/9/2004 và cháu Đinh Quang S, sinh ngày 27/7/2009. Khi ly hôn chị Phạm Thị Thu A yêu cầu được nuôi hai con chung, anh Đinh Thới Tr yêu cầu được nuôi cháu Đinh Thị Tr. Xét yêu cầu hai bên, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Tr và cháu S đã trên 7 tuổi, các cháu đã có ý kiến là được sống với mẹ. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao con cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của các con. Do vậy để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung của chị A.

Về cấp dưỡng cho con: Chị A không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Tòa không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng Chính sách xã hội khoản vay 50.000.000 đồng. Ngày 02/7/2020 chị Phạm Thị Thu A đã trả nợ gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi 5.847.780 đồng. Ngân hàng Chính sách xã hội không khởi kiện và chị A không yêu cầu anh Tr phải thanh toán lại một nửa khoản nợ nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu A được ly hôn anh Đinh Thới Tr.
2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Đinh Thị Tr, sinh ngày 01/9/2004 và cháu Đinh Quang S, sinh ngày 27/7/2009 cho chị Phạm Thị Thu A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
Anh Đinh Thới Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.
3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.
4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.
5. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0002943 ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã ĐP;
- Chi Cục THADS thị xã ĐP;
- Các đương sự;
- UBND xã PN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

